

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN LONG THÀNH
TỈNH ĐỒNG NAI.**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc.**

Bản án số:04/2022/DS-ST

Ngày: 19-01-2022.

V/v: “*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*”.

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LONG THÀNH, TỈNH ĐỒNG NAI**

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Kim Liên.

Các hội thẩm nhân dân: 1.Ông Trịnh Sâm Châu.

2. Bà Nguyễn Thị Ngọc Đẹp.

-Thư ký phiên tòa: Bà Linh Thu Hồng, là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Long Thành.

-Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Thành tham gia phiên tòa:
Bà Lê Thị Hồng Hà - Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 01 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Long Thành xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 303/2020/TLST-DS ngày 20 tháng 11 năm 2020 về việc: “*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 64/2021/QĐST-DS ngày 29 tháng 11 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 952/2021/QĐST - DS ngày 20 tháng 12 năm 2021, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ngân hàng TMCP T.

Địa chỉ: Tháp B, 35 Hàng V, quận H, Tp Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Phan Đức T – Chức vụ: Tổng giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Lê M T – Chức vụ: Phó Giám đốc phụ trách, Người đứng đầu Ngân hàng TMCP T - Chi nhánh Đông Đồng Nai. (Quyết định ủy quyền tham gia tố tụng số 906/QĐ-B ngày 26/11/2018).

Ông Lê M T ủy quyền cho anh Lê Văn K – Chức vụ: Phó phòng khách hàng cá nhân- Ngân hàng TMCP T - Chi nhánh Đông Đồng Nai; Địa chỉ chi nhánh: 19 Nguyễn Đình C, khu, thị trấn L, huyện L, tỉnh Đồng Nai. (Văn bản ủy quyền số 733 ngày 29/10/2020)

- Bị đơn: Ông Nguyễn Công M, sinh năm 1972.

HKTT: 86/14 Nguyễn T, phường 9, quận M, Tp Hồ Chí.

(Ông K, ông M vắng mặt tại phiên tòa).

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện ngày 29 tháng 10 năm 2020 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn có ông Lê Văn K đại diện trình bày:

Ngày 16/5/2016, Ngân hàng thương mại cổ phần T (gọi tắt Ngân hàng B) có phát hành thẻ tín dụng cho ông Nguyễn Công M với tổng hạn mức 80.000.000 đồng theo mẫu đăng ký phát hành và sử dụng thẻ tín dụng do ông Nguyễn Công M đề nghị và được Ngân hàng B - Chi nhánh Đông Đồng Nai chấp thuận. Mục đích: mở thẻ tín dụng sử dụng tiêu dùng; thời hạn hạn mức 01 năm ; thời hạn thẻ: 03 năm; lãi trong hạn: áp dụng lãi suất 15%/năm, sau đó theo thông báo lãi suất của B Đông Đồng Nai tại thời điểm điều chỉnh, trường hợp lãi suất trong hạn được điều chỉnh thì lãi suất nợ quá hạn sẽ tính theo mức lãi suất trong hạn đã được điều chỉnh.

Ngày 03/5/2017, ông Nguyễn Công M có giấy đề nghị điều chỉnh hạn mức thẻ tín dụng từ 80.000.000 đồng lên 150.000.000 đồng và đã được Ngân hàng chấp thuận vào ngày 08/5/2017.

Tính từ ngày 20/10/2020 đến ngày 19/01/2022, ông Nguyễn Công M còn nợ tiền gốc 112.904.266 đồng; lãi trong hạn: 45.823.499 đồng; lãi quá hạn : 61.679.507 đồng. Tổng cộng: 220.407.272 đồng.

Nay Ngân hàng đề nghị Tòa án buộc ông Nguyễn Công M phải thanh toán cho Ngân hàng số tiền nêu trên là 220.407.272 đồng.

Ông Lê Văn K có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt.

Tòa án đã tổng đạt hợp lệ Thông báo thụ lý vụ án, Thông báo mở phiên họp và các quyết định của Tòa án nhưng ông M không đến Tòa án làm việc nên không có lời khai của ông M.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Thành: Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Đại diện nguyên đơn vắng mặt tại phiên tòa nhưng có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt. Bị đơn vắng mặt không có lý do nên bị đơn chưa thực hiện đúng các Điều 70, 71 Bộ luật tố tụng dân sự.

Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng thương mại cổ phần T. Buộc ông Nguyễn Công M phải trả cho Ngân hàng tiền gốc 112.904.266 đồng; lãi trong hạn: 45.823.499 đồng; lãi quá hạn : 61.679.507 đồng. Tổng cộng: 220.407.272 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Đại diện nguyên đơn ông Lê Văn K vắng mặt tại phiên tòa nhưng có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt nên căn cứ khoản 1 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt ông K.

Ông Nguyễn Công M đã được tổng đạt hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vắng mặt tại phiên tòa nên căn cứ khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt ông M.

Tại phiên tòa, nguyên đơn và bị đơn đều vắng mặt nên căn cứ vào Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự, xét xử vắng mặt các đương sự.

[2] Về quan hệ pháp luật : Bị đơn ông Nguyễn Công M có ký với Ngân hàng TMCP T (bao gồm Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng và bản Điều khoản điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng). Căn cứ vào thu nhập của ông M, Ngân hàng đã đồng ý cấp thẻ tín dụng với hạn mức tín dụng là 150.000.000 đồng. Theo quy định tại Điều 4, Điều 98 Luật số 47/2010/QH12 Luật các tổ chức tín dụng được Quốc hội khóa 12 thông qua ngày 16/6/2010 thì cấp tín dụng là một trong những hoạt động của Ngân hàng thương mại nói chung nên quan hệ tranh chấp trong vụ án được xác định là “Tranh chấp hợp đồng tín dụng”

[3] Về nội dung vụ án: Ngày 16/5/2016, Ngân hàng thương mại cổ phần T (gọi tắt Ngân hàng B) có phát hành thẻ tín dụng cho ông Nguyễn Công M với tổng hạn mức 80.000.000 đồng. Ngày 03/5/2017, ông Nguyễn Công M có giấy đề nghị điều chỉnh hạn mức thẻ tín dụng từ 80.000.000 đồng lên 150.000.000 đồng và được Ngân hàng chấp thuận vào ngày 08/5/2017.

Từ ngày 20/10/2020 đến nay, ông M không thực hiện trả nợ gốc và lãi suất cho Ngân hàng nên Ngân hàng B yêu cầu ông M phải có trách nhiệm trả tiền nợ gốc là 112.904.266 đồng; lãi trong hạn: 45.823.499 đồng; lãi quá hạn : 61.679.507 đồng. Tổng cộng: 220.407.272 đồng (làm tròn : 220.407.000 đồng) là có cơ sở chấp nhận.

[4] Về án phí: Yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn ông Nguyễn Công M phải chịu 11.020.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

[5] Ý kiến đề nghị của Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Thành phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên ghi nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 30; khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39, Điều 147, khoản 1, 2 Điều 227, khoản 1, 3 Điều 228, 238, 266 Bộ luật tố tụng dân sự.

Áp dụng Điều 154, 466, 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

Căn cứ các Điều 91, 95, 98 Luật các tổ chức tín dụng.

Nghị quyết số 326/2016/UBNTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng thương mại cổ phần T (Ngân hàng B).

Buộc ông Nguyễn Công M phải có trách nhiệm trả cho Ngân hàng thương mại cổ phần T số tiền nợ gốc là 112.904.266 đồng; lãi trong hạn: 45.823.499 đồng; lãi quá hạn : 61.679.507 đồng. Tổng cộng: 220.407.272 đồng (làm tròn : 220.407.000 đồng) (hai trăm hai mươi triệu bốn trăm lẻ bảy ngàn đồng).

2. Về án phí: Ông Nguyễn Công M phải chịu 11.020.000 đồng (mười một triệu không trăm hai mươi ngàn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn trả cho Ngân hàng thương mại cổ phần T số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 4.926.000 đồng (bốn triệu chín trăm hai mươi sáu ngàn đồng) theo biên lai số 0005073 ngày 20 tháng 11 năm 2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai.

Kể từ ngày 20/01/2022, ông Nguyễn Công M phải chịu thêm tiền lãi phát sinh tính trên số dư nợ gốc của hợp đồng ký kết ngày 08/05/2017, theo mức lãi suất đã thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong nợ gốc.

3. Ngân hàng thương mại cổ phần T và ông Nguyễn Công M được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận :

- TAND T. Đồng Nai.
- VKSND H. Long Thành.
- THA H. Long Thành.
- Các đương sự.
- Lưu.

T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán –Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thị Kim Liên